

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 3 - 2021

V/v ly hôn giữa chị P và anh N

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Huyền.

Ông Nguyễn Văn Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình, kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc " ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thu P, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ 3, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phạm Đức Phúc – Luật sư của Công ty TNHH Tô Cát, thuộc Đoàn luật sư TP. Hà Nội (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Mai Văn N, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Thu P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh N kết hôn tự nguyện, đăng ký tại trụ sở UBND xã Tân Thịnh, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 24/02/2018. Vợ chồng chung sống đến tháng 8 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa chị và anh N bất đồng quan điểm, chung sống không hòa hợp, thường xuyên cãi chửi nhau. Chị và anh N đã sống ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ được, đề nghị xin được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là cháu Mai Phương L, sinh ngày 27/3/2019, hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Sau ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên Tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Phạm Thị Thu P vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm đề nghị về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về yêu cầu ly hôn: Đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P vì mâu thuẫn giữa chị P và anh N đã trầm trọng không thể đoàn tụ được.

+ Về con chung: Đề nghị tòa án chấp nhận yêu cầu của chị P, giao con chung là cháu Mai Phương tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và con chung dưới 36 tháng tuổi theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của Thẩm phán và hoạt động tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

+ Đề nghị xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Thu P và anh Mai Văn N.

+ Về con chung chưa thành niên: Chị Phạm Thị Thu P được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Mai Phương L, sinh ngày 27/3/2019, anh N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P.

+ Về án phí: Chị Phạm Thị Thu P phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Phạm Thị Thu P và anh Mai Văn N kết hôn, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào tháng 02/2018, là hôn nhân có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị P và anh N chung sống không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống. Chị P và anh N đã sinh sống ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay, điều đó thể hiện tình cảm giữa chị P và anh N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị P và anh N có 01 con chung là cháu Mai Phương L, sinh ngày 27/3/2019, chị P đang trực tiếp nuôi dưỡng, hiện tại cháu L còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, cần được sự chăm sóc của người mẹ.

Do vậy yêu cầu của chị P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là có sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị P phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Thu P và anh Mai Văn N.

2. Về con chung chưa thành niên: Chị Phạm Thị Thu P được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Phương L, sinh ngày 27/3/2019. Anh Mai Văn N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phạm Thị Thu P.

Anh Mai Văn N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí : Chị Phạm Thị Thu P phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị P đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0000282 ngày 27 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thu P và anh Mai Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện, tỉnh: 02 bản;
- THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã T;
- Lưu HS: 01 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Thịnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thịnh

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện, tỉnh: 02 bản;
- THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã La Phù, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội;
- Lưu HS: 01 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thịnh